

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy

Ông Phạm Văn Thấu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/9/2024, Thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng số 01/TB-TA ngày 18/9/2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 405/TB-TA ngày 18/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1994; nơi thường trú: thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; nơi tạm trú: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị L về quan hệ con chung:

+ Chị Lương Thị L1, sinh năm 2000; nơi thường trú: thôn TS, xã ST, huyện TK, tỉnh Hải Dương; địa chỉ liên hệ: Số xx, đường NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Ngọc L2, sinh năm 1993; nơi thường trú: số xxx, đường ĐP, phường BH, thành phố H, tỉnh Hải Dương; địa chỉ liên hệ: Số xx, đường

NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Chị Hoàng Thị L3, sinh năm 2002; nơi thường trú: thôn R, xã DS, huyện NR, tỉnh Bắc Kạn; địa chỉ liên hệ: Số xx, đường NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Công ty Luật TNHH GB – Chi nhánh HD; địa chỉ: Số xx, đường NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương (do chị Bùi Ngọc L4, sinh năm 2001, nơi thường trú: số 11, phố TM, phường PL, thành phố H, tỉnh Hải Dương và chị Trịnh Thị L5, sinh năm 2001, nơi thường trú: khu CD, xã KT, huyện CK, tỉnh Phú Thọ thực hiện công việc theo Hợp đồng ủy quyền).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị L:*

+ Bà Trịnh Thanh L6, sinh năm 1998; nơi thường trú: khu CD, xã KT, huyện CK, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ liên hệ: Số xx, đường NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Luân Thị L7 – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH GB – Chi nhánh Hải Dương; địa chỉ: Số xx, đường NC, phường CT, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Đăng N, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; tạm trú tại: số nhà x, phố LQ, khu xx, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi ở: phòng xxx, tầng x, nhà chung cư số Q, phường PL, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Phạm Đăng N1, sinh năm 1965.

- Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1973.

- Chị Phạm Ngọc N3, sinh năm 1995.

Đều thường trú tại: thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa: có mặt chị L, anh N, anh L2, chị L3, chị L5, bà L6, bà L7, ông N1, bà N2, chị N3; vắng mặt chị L1, chị L4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Đăng N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/12/2018 tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng chị về ở tại nhà đất của bố mẹ chồng tại thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Năm 2019, sau khi sinh cháu P được một tháng, vợ chồng chị về ở chung với bố mẹ chị tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, sau này mới nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh N không muốn ở rể, muốn vợ chồng chị quay về ở nhà đất của bố mẹ chồng, phục vụ em chồng nhưng chị không đồng ý. Do áp lực công việc căng thẳng, mệt mỏi, mâu thuẫn với gia đình chồng nên sức khỏe của chị đã bị giảm sút làm ảnh hưởng đến tâm lý của chị nhưng anh N lại nói chị bị vong nhập. Một ngày vào tháng 4 năm 2023, lúc đó sức khỏe chị yếu, phải tiếp nước, anh N nói về nhà chồng có việc. Anh N chở chị bằng ô tô về nhà chồng. Trong lúc trên xe chị đã thấy chóng mặt, say xe. Đến nơi, khi chào mọi người xong thì tự nhiên chị thấy choáng váng và bị ngất đi, lúc tỉnh lại thì thấy anh N đánh chị, có người bóp cổ, có người lấy que đánh, còn có người thì chửi bới. Anh N và gia đình anh N nói chị bị vong nhập. Sau đó, anh N chở chị về nhà nhưng vứt chị ở hiên nhà. Từ ngày 15/8/2023, chị chuyển công tác từ trường Tiểu học T lên trường Tiểu học ĐV, thành phố H nên vợ chồng chị quyết định chuyển lên thành phố H ở. Trong khoảng thời gian sống chung ở nhà trọ, vợ chồng chị vẫn tiếp tục mâu thuẫn, việc ai người ấy làm, không quan tâm đến nhau. Anh N thường xuyên đi sớm về muộn, không nói cho chị biết đi đâu, không quan tâm đến vợ con. Mỗi lần vợ chồng xích mích hoặc chị có công việc phải đi thì anh N lại chửi bới, xúc phạm, đánh đuổi chị. Ngoài ra, anh N còn đi rêu rao chị bị điên, thần kinh hoang tưởng làm mất uy tín của chị với đồng nghiệp, phụ huynh và học sinh. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không có cuộc sống chung, chị đã cho anh N nhiều cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P, sinh ngày 01/9/2019, hiện nay đang ở với chị. Chị xin nuôi cháu P, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Phạm Đăng N trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về ở tại nhà đất của bố mẹ anh tại thôn A, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Bố mẹ anh bán hàng ở Quảng Ninh, thỉnh thoảng về thăm nhà nên vợ chồng anh ở cùng nhà với em gái anh là chị Phạm Ngọc N3. Năm 2019, sau khi sinh cháu P được một tháng, vợ chồng anh về ở chung với bố mẹ vợ tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng anh vẫn chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Vào một ngày tháng 4 năm 2023, tự nhiên chị L có biểu hiện bị vong nhập vào, lúc thì là ông nội anh, lúc lại là bà nội chị L. Khi bị như thế, chị L nói linh tinh. Mấy hôm sau, gia đình anh có công việc, anh đưa chị L về nhà anh. Chị L lại bị ông nội anh nhập, chửi bới om sòm, đập điện thoại, thau chậu. Khi thấy vợ bị như vậy, anh

tát vợ để không bị vong nhập nữa. Anh không biết chị L có bị vong nhập thật không, anh đưa chị L lên ô tô về nhà thì chị L vẫn tiếp tục chửi bới, còn túm tóc tát anh. Khi anh đưa vợ về đến nhà thì bố chị L chưa hiểu chuyện đã mắng anh, đập vỡ mũ bảo hiểm của anh, thậm chí còn gọi cho bố anh nói là anh đánh chị L gần chết, sẽ đưa anh ra pháp luật. Từ ngày 15/8/2023, chị L chuyển công tác từ trường Tiểu học T lên trường Tiểu học ĐV, thành phố H nên vợ chồng anh quyết định chuyển lên thành phố H ở. Trong khoảng thời gian sống chung ở nhà trọ, vợ chồng anh có hai lần mâu thuẫn do chị L không quan tâm đến gia đình, anh bận công việc nhưng chị L không quan tâm, chăm sóc, không nấu cơm khi anh phải đi làm. Vợ chồng anh có xảy ra cãi nhau, một lần anh tát chị L, nói chị L cầm quần áo ra chỗ chơi mà ở. Ngày 09/3/2024, chị L đưa chị dâu họ là chị B lên dọn đồ đạc bỏ về nhà bố mẹ ở xã T. Chị L tự ý chuyển trường cho con từ trường Mầm non C về trường Mầm non T và dọn đi mà không thông báo cho anh biết cụ thể, chỉ nhắn tin nói là cho con về quê. Khi anh về nhà vợ để đón vợ con thì bố vợ anh nói tốt nhất là ly thân, sau này Tòa giải quyết ly hôn giao con cho ai nuôi thì người ấy nuôi. Bố vợ anh nói sẽ thuê trọ cho vợ con anh gần nhà trọ của anh để cho cháu đi học, nhưng đến giờ anh thấy vợ con anh vẫn ở xã T. Bố mẹ anh cũng mong muốn vợ chồng anh đoàn tụ nhưng đến Tết chị L không về, cưới em gái anh có gọi về nhưng chị không nghe điện thoại.

Đến nay, anh xác định vẫn còn tình cảm yêu thương vợ, mâu thuẫn của vợ chồng anh chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Chị L nghe lời bố dẫn đến mâu thuẫn không được giải quyết. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý. Anh mong muốn chị L suy nghĩ lại, nghĩ đến cháu P cần cuộc sống có cả bố và mẹ để rút đơn ly hôn, vợ chồng về đoàn tụ. Do chị L nghe lời bố chị nên anh không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ. Nếu chị L đồng ý giao con cho anh nuôi thì anh mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị L trình bày. Quan điểm của anh xin nuôi cháu Phạm Đăng Ngọc P, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh thuê nhà trọ sinh sống tại thành phố H từ năm 2023, không đăng ký tạm trú, đến ngày 18/4/2024, anh đăng ký tạm trú tại khu 4, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Anh đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh.

Kết quả xác minh tại UBND xã T, đại diện địa phương cung cấp: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Đăng N đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian anh chị sinh sống tại thôn K, xã T,

huyện G, tỉnh Hải Dương, địa phương không biết giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không, địa phương không nhận được đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng từ chị L hoặc anh N. Thời gian gần đây, chị L về ở với bố mẹ nhưng không thấy anh N về ở cùng. Đến nay, chị L xin ly hôn thì quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi của cháu Phạm Đăng Ngọc P là con chung của chị L và anh N.

Tại phiên toà:

Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh N, đề nghị giao con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, đại diện theo ủy quyền của chị L về quan hệ con chung thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị L.

Anh N xác định không còn tình cảm với chị L, anh chỉ đồng ý ly hôn chị L với điều kiện anh được quyền nuôi con, anh đề nghị giao con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Về hôn nhân: Xử cho chị L ly hôn anh N. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P, sinh ngày 01/9/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên toà, chị Lương Thị L1 là người đại diện theo ủy

quyền của chị L về quan hệ con chung, chị Bùi Ngọc L4 là người được Công ty Luật TNHH GB – Chi nhánh HD phân công thực hiện công việc theo Hợp đồng ủy quyền giữa chị L và Công ty đều vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy chị L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Công ty Luật TNHH GB - Chi nhánh HD đã phân công chị Trịnh Thị L5 thực hiện công việc theo Hợp đồng ủy quyền. Chị L đồng ý việc chị L1, chị L4 vắng mặt và xác định việc chị L1, chị L4 vắng mặt không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị trong vụ án. Do vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L1, chị L4.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Đăng N kết hôn vào ngày 08/12/2018, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, xảy ra xô xát, cãi nhau. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 3 năm 2024, không có cuộc sống chung, không quan tâm đến nhau. Anh N chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị L để anh nuôi con chung, mặt khác anh xác định không còn tình cảm với chị L, anh không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần cho chị L ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị L, anh N có một con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P, sinh ngày 01/9/2019. Chị L và anh N cùng có quan điểm xin nuôi cháu P. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L là giáo viên tại trường Tiểu học ĐV, mức lương khoảng 9.300.000 đồng/tháng, còn anh N công tác tại Trung tâm E - Sở M tỉnh Hải Dương, mức lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Về điều kiện chỗ ở: khi vợ chồng ly thân, chị L về ở nhờ nhà bố mẹ là ông L8 và bà L9 tại thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương; còn anh N hiện nay sinh sống tại căn nhà thuộc chung cư Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương do anh nhận chuyển quyền thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước. Như vậy, chị L và anh N đều có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định nên cùng có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu P còn bé, vẫn ở với chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay nên để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của cháu, cần giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng

nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Phạm Đăng N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đăng Ngọc P, sinh ngày 01/9/2019 cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Đăng N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Đăng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số 0004544 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh